

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 01/10/2021.

“V/v: *Hủy kết hôn trái pháp luật*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Ngọc.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Ông Dương Minh Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2021/HNGĐ-ST, ngày 06 tháng 01 năm 2021 về “Hủy kết hôn trái pháp luật”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 06 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST -HNGĐ ngày 05/07/2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST – DS ngày 21/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 10/2021/TB – TA ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L. Sinh năm: 1975. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, Sinh năm: 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Duy H, C/v: Chủ tịch (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Tôi và ông Nguyễn Văn T có về chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/07/1990 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian đầu chung sống với nhau không được hạnh phúc nhưng tôi cố gắng sống chung vì do các con còn quá nhỏ. Mâu thuẫn xảy ra đỉnh điểm từ năm 2013 đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T là người không có lập trường, ra xã hội người này người kia trêu chọc, hoặc góp ý không hay là về nhà là la mắng, tra tấn tinh thần của vợ con, bản thân tôi đã nhiều lần muốn li hôn nhưng chồng tôi lại xin lỗi tha thứ, nhưng cuối cùng vẫn không chung sống được, dẫn tới hai vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay không còn tình cảm với nhau nữa. Do tại thời

điểm đăng ký kết hôn với ông T thì tôi chưa đủ tuổi đăng ký, nên tôi đã khai tăng tuổi thành sinh năm 1972, để đủ tuổi đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T, qua xác minh của Tòa án và giấy khai sinh tôi xác định khi kết hôn với ông T chưa đủ 18 tuổi (15 tuổi 1 tháng 21 ngày), chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay tôi xác định tình cảm không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc cho nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung.

1. Cháu Nguyễn Thị Ng, sinh 27/04/1991.

2. Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 19/8/1993.

Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên việc chung sống với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã E trình bày:

Sau khi nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar và các biên bản xác minh, UBND xã E đã rà soát lại trình tự thủ tục đăng ký kết hôn được lưu trữ thì xác định vào ngày 18/7/1990 thì UBND xã đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Văn T sinh ngày 06/06/1969 và bà Nguyễn Thị L sinh ngày 09/09/1972, tại quyển số 01/1990, ngoài ra không còn lưu trữ gì thêm, do sổ sách đã bị thất lạc.

Qua xác minh thì xác định được bà Nguyễn Thị L sinh ngày 09/09/1972 và bà Nguyễn Thị L sinh ngày 09/09/1975 là một người. Bà Nguyễn Thị L đã khai gian dối tuổi của mình để đủ tuổi để đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T, tại thời điểm đăng ký bà Nguyễn Thị L sinh năm 1972 là đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định.

Tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết thì xác định được bà L sinh ngày 09/09/1975 như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn với ông T bà L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 việc đăng ký của UBND xã E là có sai sót, nên nguyên đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành triệu tập các đương sự để tiến hành cho các đương sự tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, do vụ án không thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý, đến khi xét xử, Thẩm phán tuân theo quy định như lập hồ sơ vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, tổng đạt giấy triệu tập, các quyết định của Tòa án cho đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, thành phần Hội đồng xét xử và trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định theo Điều 179, Điều 195; Điều 196; Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án:

Qua các chứng cứ đã được thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, xác định mâu thuẫn vợ chồng là thực tế, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống thì không mang lại hạnh phúc

cho nhau, tại thời điểm và L và ông T đăng ký kết hôn là chưa đủ tuổi theo quy định của pháp luật, tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết các đương sự đã đủ tuổi đăng ký kết hôn Tòa án đã ra thông báo để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật, tuy nhiên các đương sự không có ý kiến gì, do đó xét yêu cầu khởi kiện “Hủy kết hôn trái pháp luật” của nguyên đơn là có căn cứ, Đề nghị HĐXX cần chấp nhận.

Về con chung: Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến để giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được, xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hủy kết hôn trái pháp luật” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Khoản 7 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm g Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện về việc yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn, xét thấy bà Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T ngày 18/07/1990 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo sổ đăng ký kết hôn tại quyển số 01/1990 xác định họ tên chồng là ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/06/1969, họ tên vợ Nguyễn Thị L sinh ngày 09/09/1972.

Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cung cấp cho Tòa án như: Giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, biên bản xác minh tại UBND xã E, Ban tự quản thôn N2, xã E và Công an xã E và các tài liệu chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án, xác định bà Nguyễn Thị L sinh ngày 09/09/1972 và bà Nguyễn Thị L sinh ngày 09/09/1975 một người và bà Nguyễn Thị L có ngày tháng năm sinh đúng là ngày 09/09/1975. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T vào ngày 18/07/1990 thì bà L mới 15 tuổi 1 tháng 21 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm vào Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án sau khi xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã căn cứ vào Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình đã ban hành thông báo cho các đương sự biết tại thời điểm Tòa án giải quyết việc hủy kết hôn trái pháp luật thì các bên đã đủ tuổi đăng ký theo quy định của pháp luật, Tòa án đã thông báo để các đương sự về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn để bị đơn ông Nguyễn Văn T biết thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, tuy nhiên, hết thời hạn được thông

báo, bị đơn không thực hiện đồng thời không có ý kiến gì và vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xem xét việc hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn là có căn cứ. Nên HĐXX cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T theo số sổ đăng ký kết hôn số 01/1990 tại UBND xã Ea Kmút theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 1986, Điều 10, 11 Luật HNGĐ năm 2014 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung.

1. Cháu Nguyễn Thị N, sinh 27/04/1991.

2. Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 19/8/1993.

Hiện nay con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên HĐXX không đưa ra để giải quyết.

[3] Đối với việc đăng ký kết hôn của UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T không đúng về độ tuổi đăng ký, tuy nhiên, tại thời điểm đăng ký kết hôn bà Nguyễn Thị L đã khai không đúng tuổi thực tế của mình để được đăng ký kết hôn, UBND xã Ea Kmút, căn cứ vào sổ đăng ký kết hôn thì xác định tại thời điểm đăng ký bà L sinh năm 1972 là đúng độ tuổi theo quy định, hiện tại Hồ sơ sổ sách không còn lưu giữ đầy đủ. Do đó, có căn cứ xác định việc UBND xã E có sai phạm trong việc đăng ký kết hôn giữa bà L và ông T như thu thập các tài liệu chứng minh về độ tuổi thực tế của bà Liên khi thực hiện việc đăng ký kết hôn, UBND xã E đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp. HĐXX đề nghị UBND xã E rút kinh nghiệm trong việc đăng ký kết hôn nêu trên, nếu có vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a Khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/1990 ngày 18/7/1990 của UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0016754 ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- UBND xã Ea Kmút;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc